TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/8/2019
(V/v tranh chấp hôn nhân – gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Bá Bảy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Phong
2. Ông Nguyễn Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/2/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-DS ngày 01/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, có mặt
Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ tạm trú: Tổ 46, khu phố 4B, phường T, B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Đặng Xuân A, vắng mặt (anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/2/2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị H1 trình bày:

Chị Lê Thị H kết hôn với anh Đặng Xuân A vào ngày 31/8/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị H và anh A sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh A thường hay uống rượu, đánh đập chị H. Tháng 8/2014 chị H phải sống ly thân với anh A cho đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh A sinh được một con chung: Đặng Xuân N (sinh ngày

03/7/2008), hiện nay cháu N chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung chị H và anh A không có tài sản chung.

Nay chị Lê Thị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể về chung sống với nhau được nên chị H xin được ly hôn với anh A. Về con chung chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N đến đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh A phải đóng góp trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Đặng Xuân A tại phiên tòa vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh A có lời khai trình bày: Anh Đặng Xuân A kết hôn với chị Lê Thị H vào ngày 31/8/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn anh A và chị H sống chung với nhau hạnh phúc đươc một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai người không hợp nên chị H bỏ nhà đi, sống ly thân với anh A từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân anh A và chị H sinh được một con chung: Đặng Xuân N (sinh ngày 03/7/2008), hiện nay cháu N đang ở với chị H.

Nay chị Lê Thị H xin được ly hôn với anh Đặng Xuân A thì anh A đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung anh A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Anh Đặng Xuân A tuy đã có lời khai nhưng trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã có thông báo hợp lệ nhưng anh A không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh A nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Đặng Xuân A; Giao cháu Đặng Xuân N (sinh ngày 03/7/2008) cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu đóng góp trợ cấp nuôi con chung nên anh A không phải đóng góp trợ cấp nuôi chung cho chị H; Về tài sản đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Đặng Xuân A vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Xuân A.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đặng Xuân A kết hôn với nhau vào ngày 31/8/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị H với anh A đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được, anh A cũng đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về việc xin ly hôn với anh Đặng Xuân A.

3.2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh A sinh được một con chung: Đặng Xuân N (sinh ngày 03/7/2008). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N đến đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh A phải đóng góp trợ cấp nuôi con chung; Anh Đặng Xuân A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Đặng Xuân N hiện nay đã trên 11 tuổi, kể từ ngày chị H và anh A sống ly thân nhau cho đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N ăn học và theo ý kiến của cháu N trường hợp mà Tòa án giải quyết cho chị H và anh A ly hôn thì nguyện vọng của cháu N xin được ở với chị H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Xuân N cho chị H nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Do chị H không yêu cầu anh A phải đóng góp trợ cấp nuôi con chung nên anh A không phải có nghĩa vụ đóng góp trợ cấp nuôi con chung cho chị H.

3.3. Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Đặng XuânA không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đặng Xuân A.

[2]. Về con chung: Giao cháu Đặng Xuân N (sinh ngày 03/7/2008) cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Anh Đặng Xuân A không phải đóng góp trợ cấp nuôi con chung cho chị Lê Thị H.

Không ai được quyền cản trở việc thăm con chung.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng do chị Lê Thị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0010493 ngày 15/02/2019.

[4]. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Bá Bảy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THA dân sự huyện Krông Năng;
- UBND thị trấn Cẩm Xuyên;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.